



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẤP SONACONS

Tầng 6, Tòa nhà Tín Nghĩa Plaza, Số 224, Đường Hà Huy Giáp, Phường Trảng Biên, Tỉnh Đồng Nai.
ĐT: 0251 7300556 Email: contact@sonacons.vn Web: www.sonacons.vn MST: 3602209420

Đồng Nai, ngày 22 tháng 4 năm 2026

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT VỀ HOẠT ĐỘNG NĂM 2025 CỦA CÔNG TY CP XÂY LẤP SONACONS

Kính gửi: Đại Hội Đồng Cổ Đông

- Căn cứ Điều lệ (sửa đổi lần 9) của Công ty cổ phần Xây Lấp Sonacons được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 28/11/2025;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 ngày 24/4/2025 của Công ty Cổ Phần Xây Lấp Sonacons.
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty cổ phần Xây Lấp Sonacons;

Ban kiểm soát trân trọng báo cáo trình Đại hội đồng cổ đông về kết quả, tình hình kiểm soát hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 của Công ty Cổ Phần Xây Lấp Sonacons như sau:

1. Tình hình góp vốn của các cổ đông:

1.1 Vốn Điều Lệ

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 11 ngày 12 tháng 11 năm 2025.
- Vốn điều lệ của Công ty: 50.000.000.000 đồng.
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần.

1.2 Thành phần cổ đông

- Tổng số cổ đông tính đến 31/03/2026 bao gồm 23 cổ đông trong đó tổ chức là 01, cá nhân là 22;
- Tỷ lệ sở hữu các cổ đông đến 31/03/2026;
 - Công ty cổ Phần Đầu Tư Hoa Hồng 1.838.700.000 đồng chiếm 3.68 % vốn điều lệ.
 - Các Cổ đông cá nhân còn lại chiếm 96.32 %.

2. Kết quả thẩm định báo cáo tài chính, đánh giá hoạt động SXKD và tình hình tài chính năm 2025

2.1. Kết quả thẩm định Báo cáo tài chính năm 2025:

Trên cơ sở Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 được kiểm toán độc lập (Báo cáo kiểm toán đính kèm) BKS có ý kiến BCTC đã trình bày trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2025 cũng như kết quả kinh doanh cho năm tài chính kết thúc, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam.



2.2. Đánh giá tình hình hoạt động SXKD và tình hình tài chính năm 2025:

2.2.1 Kết quả hoạt động SXKD năm 2025:

ĐVT: Triệu Đồng

| Stt | Chỉ tiêu | Thực hiện năm 2024 | Thực hiện năm 2025 | Chỉ Tiêu Thực Hiện Với Kế Hoạch | |
|-----|------------------------------|--------------------|--------------------|---------------------------------|-------------|
| | | | | +/- Giá Trị 2025 | % Thực Hiện |
| 1 | Tổng doanh thu thuần | 245,300 | 483,319 | 193,019 | 78.69% |
| 2 | Tổng lợi nhuận trước thuế | 1,532 | 1,401 | -131 | -8.55% |
| 3 | Tổng lợi nhuận sau thuế | 1,532 | 1,401 | -131 | -8.55% |
| 4 | Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu | 0.62% | 0.32% | | |
| 5 | Tỷ suất LNST/VCSH | 5.51% | 4.80% | | |
| 6 | Tỷ suất LNST/VĐL | 3.06% | 2.8% | | |

2.2.2 Kết quả hoạt động SXKD từ năm 2023 đến năm 2025

ĐVT: Triệu Đồng

| Stt | CHỈ TIÊU | 2023 | 2024 | 2025 |
|-----|-----------------------------------|---------|---------|---------|
| 1 | Doanh thu thuần | 203,123 | 245,300 | 438,319 |
| 2 | Giá vốn hàng bán | 180,966 | 222,233 | 411,942 |
| 3 | Tỷ lệ giá vốn/Doanh thu | 89% | 90.6% | 94% |
| 4 | Lợi nhuận gộp | 22,157 | 23,067 | 26,377 |
| 5 | Chi phí tài chính | 4,638 | 2,331 | 4,820 |
| 6 | Tỷ lệ CPTC/Doanh thu | 2.3% | 1.0% | 1.1% |
| 7 | Chi phí bán hàng | | 1,550 | 1,561 |
| 8 | Tỷ lệ CPBH/Doanh thu | | 0.6% | 0.4% |
| 9 | Chi phí quản lý doanh nghiệp | 17,662 | 17,599 | 16,051 |
| 10 | Tỷ lệ CPQL/Doanh thu | 8.70% | 7.2% | 3.7% |
| 11 | Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 1,234 | 1,532 | 1,401 |
| 12 | Lợi nhuận sau thuế TNDN | 1,234 | 1,532 | 1,401 |
| 13 | Tỷ suất LNST/Doanh thu | 0.61% | 0.62% | 0.32% |

2.2.3 Tình hình tăng giảm tài sản, nguồn vốn tại thời điểm 2023 đến 2025

ĐVT: Triệu Đồng

| Stt | CHỈ TIÊU | 2023 | | 2024 | | 2025 | |
|----------|------------------------------------|----------------|---------------|----------------|---------------|----------------|---------------|
| | | Giá trị | Tỷ trọng | Giá trị | Tỷ trọng | Giá trị | Tỷ trọng |
| I | TÀI SẢN NGẮN HẠN | 238,491 | 99.62% | 190,269 | 99.60% | 307,416 | 99.52% |
| 1 | Tiền và các khoản tương đương tiền | 23,384 | 9.77% | 21,569 | 11.29% | 21,619 | 7.00% |

| Stt | CHỈ TIÊU | 2023 | | 2024 | | 2025 | |
|------------|-----------------------------------|----------------|----------------|----------------|----------------|----------------|---------------|
| | | Giá trị | Tỷ trọng | Giá trị | Tỷ trọng | Giá trị | Tỷ trọng |
| 2 | Đầu tư tài chính ngắn hạn | | 0.00% | | 0.00% | | 0.00% |
| 3 | Các khoản phải thu ngắn hạn | 169,736 | 70.90% | 135,447 | 70.90% | 230,785 | 74.71% |
| 4 | Hàng tồn kho | 38,176 | 15.95% | 24,034 | 12.58% | 45,272 | 14.66% |
| 5 | Tài sản ngắn hạn khác | 7,195 | 3.01% | 9,219 | 4.83% | 9,738 | 3.15% |
| II | TÀI SẢN DÀI HẠN | 913 | 0.38% | 770 | 0.40% | 1,481 | 0.48% |
| 1 | Các khoản phải thu dài hạn | 278 | 0.12% | 224 | 0.12% | | 0.00% |
| 2 | Tài sản cố định | 635 | 0.27% | 546 | 0.29% | 493 | 0.16% |
| 3 | Tài sản dở dang dài hạn | | | | | 968 | 0.31% |
| 4 | Tài sản trả trước dài hạn | | | | | 20 | 0.01% |
| | TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 239,404 | 100.00% | 191,039 | 100.00% | 308,897 | 100% |
| III | NỢ PHẢI TRẢ | 213,150 | 88.77% | 163,252 | 85.45% | 279,707 | 90.55% |
| 1 | Nợ ngắn hạn | 213,150 | 89.03% | 163,252 | 85.45% | 279,707 | 90.55% |
| 2 | Nợ dài hạn | - | 0.00% | | 0.00% | | 0.00% |
| IV | VỐN CHỦ SỞ HỮU | 26,257 | 11.23% | 27,789 | 14.55% | 29,190 | 9.45% |
| 1 | Vốn góp của chủ sở hữu | 50,000 | 20.88% | 50,000 | 26.17% | 50,000 | 16.19% |
| 2 | Quỹ đầu tư phát triển | 125 | 0.05% | 125 | 0.07% | 125 | 0.04% |
| 3 | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | (23,868) | -9.97% | (22,336) | -11.69% | (20,934) | -6.78% |
| | TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 239,407 | 100% | 191,041 | 100% | 308,897 | 100% |

Nhận xét và kiến nghị của ban kiểm soát:

➤ **Nhận xét:**

- Tổng tài sản thời điểm 31/12/2025 tăng 117.856 tỷ so với cùng kỳ năm 2024 tăng chủ yếu là nợ phải trả cho nhà cung cấp là 104.537 tỷ.
- Khoản dự phòng phải thu khó đòi tăng 1.352 tỷ tương đương 20.52% so với năm 2024. Dự phòng phải thu khó đòi tăng hàng năm cần có biện pháp kiểm soát công nợ các dự án. Định kỳ có báo cáo tháng, quý về tiến độ thu hồi công nợ từ các dự án đến hội đồng quản trị. Có các đề xuất biện pháp với nhóm khách hàng có nguy cơ nợ xấu chậm thu hồi hoặc không thu hồi được.
- Trong năm công ty chưa đạt được kế hoạch doanh thu đã đề ra tuy nhiên doanh thu có tăng 78.69% và chi phí quản lý giảm 8.79% so với năm 2024.

➤ **Kiến nghị:**

- Do vậy Ban Kiểm soát kiến nghị có báo cáo định kỳ 01-03 tháng về tiến độ thu hồi công nợ từ các dự án chậm luân chuyển thu hồi các bộ phận quản lý và kế toán.
- Đánh giá và có biện pháp các khoản nợ phải thu chậm luân chuyển có biện pháp thu hồi. Không để trượt quá 180 ngày ảnh hưởng đến các khoản trích lập dự phòng các khoản phải thu và ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của công ty.
- Có phương án kế hoạch kinh phí thi công cho từng công trình và kiểm soát chi phí hoạt động theo khối/ phòng ban chức năng.
- Ban quản lý dự án chủ động báo cáo các kế hoạch nguồn chi và nguồn thu các dự án phù hợp. Tối thiểu định kỳ tháng có báo cáo tổng hợp về văn phòng công ty.

Trân trọng cảm ơn!

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Thị Quỳnh Như

Nơi nhận:

- Như trên;
- Hội đồng quản trị công ty;
- Cổ đông công ty;
- Lưu BKS.